TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIANG THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HSST
Ngày 09/02/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIANG THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hồng Phong
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Dương Thành Phúc
2. Ông Trần Phước Hồng

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Thanh Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giang Thành.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giang Thành tham gia phiên tòa*: Ông Bùi Trọng Huy, Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 02 năm 2018, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2018/TLST-HS, ngày 12 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

- Họ và tên: **Nguyễn Đình H** - Sinh năm 1990.
- Nơi ĐKHKTT: Khu phố 1, Phường PĐ, Thị xã HT, tỉnh Kiên Giang;
- Chỗ ở hiện nay: Khu phố 1, Phường PĐ, Thị xã HT, tỉnh Kiên Giang;
- Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Tôn giáo: Không;
- Nghề nghiệp: Nhân viên bảo trì điện nước kiêm bảo vệ;
- Trình độ văn hóa: 12/12;
- Họ tên Cha: Nguyễn Đình D - Sinh năm:1966 - Nghề nghiệp: Bộ đội xuất ngũ;
- Họ tên Mẹ: Bùi Thị T - Sinh năm: 1964 - Nghề nghiệp: Nội trợ;
- Vợ: Nguyễn Thị D - Sinh năm: 1990 - Nghề nghiệp: Nội trợ;
- Anh, chị, em ruột: 04 người, lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1994 ;
- Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị khởi tố ngày 09/11/2017 và được tại ngoại theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 05 ngày 09/11/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang. Bị cáo có mặt

Người bị hại: Chị Võ Hồng K, sinh năm 1982 (có mặt)
Địa chỉ: ấp GK, xã PL, huyện GT, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:
Ông Nguyễn Đình D, sinh năm 1960 (có mặt)
Địa chỉ: Khu phố 1, phường PĐ, thị xã HT, tỉnh Kiên Giang.
Người tham gia tố tụng khác:
- Bà Nguyễn Thị H
- Bà Trần Thị T
- Ông Lâm Bảo Q
- Ông Tăng Minh D
- Bà Cao Thị Trúc M

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 07/10/2017, Nguyễn Đình H quan sát trên camera nhìn thấy chị Võ Hồng K có mang theo nhiều tiền để trong túi áo khoác, lợi dụng lúc chị K đang cấp cứu cho bệnh nhân nên bị cáo lén lút đi vào phòng tiến đến cạnh tủ cá nhân của chị K dùng tay kéo hộc tủ ra phát hiện một cái ví bên trong có đựng số tiền 8.100.000 đồng cùng nhiều loại thẻ cào điện thoại chưa qua sử dụng có giá trị khoảng 660.000 đồng. H lấy số tài sản trên bỏ vào túi quần rồi đi ra khỏi phòng và trở lại phòng bảo vệ tiếp tục công việc. Sau khi phát hiện tài sản bị mất trộm, ngày 20/10/2017 chị K trình báo sự việc đến Công an huyện Giang Thành, quá trình điều tra H thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của chị Võ Hồng K với tổng tài sản đã lấy trộm là 8.760.000 đồng. Đến ngày 09/11/2017 H bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giang Thành khởi tố bị can và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

* Vật chứng thu được trong vụ án:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO, loại 2 sim 2 sóng, Model A33W, số IMEI 1: 869299023935891, số IMEI 2: 869299023935883, điện thoại trước và sau có màu trắng, viền màu vàng đồng, mặt kính bị nứt, trầy xước nhiều nơi, điện thoại cũ đã qua sử dụng.
- 01 (một) USB 16GB – 981702406151 hiệu Apacer. Trong đó có chứa nhiều đoạn phim quay lại phòng trực của khoa cấp cứu thuộc Trung tâm y tế huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang. Đã niêm phong.
- Một trăm bốn mươi lăm thẻ cào điện thoại đã qua sử dụng, gồm các mạng di động và nhiều mệnh giá. Đã được niêm phong.

** Về trách nhiệm dân sự:*

Gia đình bị cáo Nguyễn Đình H (thông qua ông Nguyễn Đình D) đã bồi thường cho chị Võ Hồng K số tiền là 9.900.000 đồng nên tại phiên tòa chị K không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm.

Tại bản Cáo trạng số 01/KSĐT-KT ngày 10/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giang Thành đã truy tố bị cáo Nguyễn Đình H về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1/ Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình H phạm tội "Trộm cắp tài sản"

2/ Về hình phạt:

Áp dụng điểm b, i, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017)

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình H từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù.

3/ Các biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 46 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017); Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự xử lý vật chứng như sau:

+ Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO, loại 2 sim 2 sóng, Model A33W, số IMEI 1: 869299023935891, số IMEI 2: 869299023935883, điện thoại trước và sau có màu trắng, viền màu vàng đồng, mặt kính bị nứt, trầy xước nhiều nơi, điện thoại cũ đã qua sử dụng là tài sản thu được của bị cáo không ảnh hưởng đến việc xét xử nên đề nghị trả lại cho bị cáo.

+ Đối với 01 (một) USB 16GB – 981702406151 hiệu Apacer. Trong đó có chứa nhiều đoạn phim quay lại phòng trực của khoa cấp cứu thuộc Trung tâm y tế huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang là chứng cứ quan trọng định tội danh nên đề nghị tiếp tục lưu trữ trong hồ sơ vụ án hình sự.

+ Đối với một trăm bốn mươi lăm thẻ cào điện thoại đã qua sử dụng, gồm các mạng di động và nhiều mệnh giá là tang vật thu được của bị cáo thì đề nghị tịch thu, tiêu hủy theo quy định.

4/ Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Đình H khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng số 01/KSĐT-KT ngày 10/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giang Thành đã truy tố đồng thời xin HĐXX giảm nhẹ một phần hình phạt.

Người bị hại chị Võ Hồng K: Trong quá trình điều tra đã có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo và tại phiên tòa hôm nay chị tiếp tục đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về phần trách nhiệm dân sự chị đã nhận đủ tiền bồi thường thiệt hại do gia đình bị cáo bồi thường nên không yêu cầu HĐXX xem xét phần trách nhiệm dân sự đối với chị.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình D (cha ruột bị cáo) khai rằng số tiền 9.900.000đ là tiền cá nhân của ông bồi thường cho chị K và không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa, người giám hộ trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Điều 35, Điều 37 và Điều 42 Bộ luật Tố tụng hình sự và hợp pháp. Các chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra Công an huyện Giang Thành, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Giang Thành, Kiểm sát viên thu thập; các tài liệu, chứng cứ do bị cáo và những người tham gia tố tụng khác cung cấp đều phù hợp quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về chứng cứ. Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại tòa, bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và được chứng minh qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng với các tình tiết đã được thẩm tra tại phiên tòa, nên có đủ cơ sở kết luận: bị cáo Nguyễn Đình H đã phạm tội "Trộm cắp tài sản " được quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS. Điều 173 Bộ luật hình sự nêu:

Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ; tài sản là kỷ vật, di vật, đồ thờ cúng có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại.

...

[3] Tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật công nhận và bảo vệ đồng thời cũng làm ảnh hưởng đến đời sống kinh tế gia đình của người bị hại và tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý hoang mang cho người dân.

[4] Về nhân thân của bị cáo, tài liệu về lý lịch cá nhân của bị cáo thể hiện bị cáo có nhân thân tốt, bản thân chưa có tiền án, tiền sự.

[5] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách hình sự đối với bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Đối với tình tiết giảm nhẹ, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiệm trọng, gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục cho bị hại; người bị hại trong quá trình điều tra đã có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự

cho bị cáo và tại phiên tòa hôm nay lại tiếp tục đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Do đó đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo được quy định tại điểm b, i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự là phù hợp nên HĐXX ghi nhận.

[6] Về hình phạt: Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cần áp dụng một mức hình phạt tương xứng, đủ nghiêm để vừa đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên xét bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 và 01 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Căn cứ hướng dẫn tại Nghị quyết 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; xét thấy bị cáo có nhân thân tốt; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; có 04 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự và có khả năng tự cải tạo. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy có đủ điều kiện để áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo để xử phạt tù cho hưởng án treo cũng đảm bảo cho việc giáo dục bị cáo, giúp bị cáo có điều kiện tự cải tạo, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước.

[7] Trách nhiệm dân sự: Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[8] Các biện pháp tư pháp: theo quy định tại các Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. HĐXX thấy có căn cứ để tuyên trả lại cho bị cáo 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO, loại 2 sim 2 sóng, Model A33W, số IMEI 1: 869299023935891, số IMEI 2: 869299023935883, điện thoại trước và sau có màu trắng, viền màu vàng đồng, mặt kính bị nứt, trầy xước nhiều nơi, điện thoại cũ đã qua sử dụng; tiếp tục lưu trữ trong hồ sơ vụ án hình sự 01 (một) USB 16GB – 981702406151 hiệu Apacer trong đó có chứa nhiều đoạn phim quay lại phòng trực của khoa cấp cứu thuộc Trung tâm y tế huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang là chứng cứ quan trọng định tội danh và tuyên tịch thu, tiêu hủy một trăm bốn mươi lăm thẻ cào điện thoại đã qua sử dụng, gồm các mạng di động và nhiều mệnh giá là tang vật thu được của bị cáo.

[9] Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án nên miễn án phí cho các bị cáo.

Do bị cáo bị tuyên là có tội nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)*

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình H phạm tội "Trộm cắp tài sản"

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017); Nghị quyết 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[2] Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình H 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (09/02/2018).

Giao bị cáo Nguyễn Đình H cho Ủy ban nhân dân phường Pháo Đài, thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc bị hại chị Võ Hồng Kha và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình Dần không yêu cầu bị cáo phải tiếp tục bồi thường, hoàn trả nên HĐXX không xét.

[4] Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đình H 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO, loại 2 sim 2 sóng, Model A33W, số IMEI 1: 869299023935891, số IMEI 2: 869299023935883, điện thoại trước và sau có màu trắng, viền màu vàng đồng, mặt kính bị nứt, trầy xước nhiều nơi, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

- Tiếp tục lưu trữ trong hồ sơ vụ án hình sự thụ lý số 01/2018/TLST-HS, ngày 12 tháng 01 năm 2018 vật chứng là 01 (một) USB 16GB – 981702406151 hiệu Apacer trong đó có chứa nhiều đoạn phim quay lại phòng trực của khoa cấp cứu thuộc Trung tâm y tế huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giang Thành có trách nhiệm chuyển giao cho Tòa án huyện vật chứng trên.

- Tịch thu, tiêu hủy vật chứng thu được từ bị cáo là một trăm bốn mươi lăm thẻ cào điện thoại đã qua sử dụng, gồm các mạng di động và nhiều mệnh giá.

[5] Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Đình H phải nộp án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng)

[6] Quyền kháng cáo: bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 09/02/2018.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thi được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Kiên Giang
- VKSND huyện Giang Thành;
- Công an tỉnh Kiên Giang (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Cơ quan CSĐT, CA h. Giang Thành;
- Chi cục THADS huyện Giang Thành;
- Bị cáo, Những người TGTT;
- Lưu: HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Hồng Phong